

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 567/2022/DS-PT
Ngày: 14- 9- 2022
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
bảo hiểm”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Đức

Bà Lê Thị Ngọc Hương.

Thư ký phiên tòa: Bà An Phương Trang - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H: Ông Tào Minh Quân -
Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2022 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành
phố Hồ Chí Minh, số 131 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, Quận 1,
Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2022/TLPT-DS,
ngày 22 tháng 7 năm 2022, về việc: “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 126/2022/DS-ST ngày 16-5-2022 và
Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số: 3972/2022/QĐ-SCBSBA
ngày 27/5/2022 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bị
kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4687/2022/QĐ-PT
ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố H, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Quốc B, sinh năm 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: 18 đường N, khu Đ, khu phố S, phường P, Quận B, Thành phố
H.

Ủy quyền:

1.1. Bà Võ Mộng T1, sinh năm 1982 (Có mặt);

1.2. Ông Nguyễn Khắc X, sinh năm 1979 - Đại diện (Có mặt).

Cùng địa chỉ liên lạc: 277/45 Đường X, phường F, Quận G, Thành phố
H.

(Giấy ủy quyền ngày 31/12/2019 và ngày 16/9/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phan Mạnh T2 - thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Công ty L.

Trụ sở: Tầng 18, Tòa nhà V, 45A Đường R, phường E, Quận M, Thành phố H.

Ủy quyền bà Nguyễn Mai Bích N, sinh năm 1993 - Đại diện (Có mặt).

Địa chỉ liên lạc: Tầng 18, Tòa nhà V, 45A Đường R, phường E, Quận M, Thành phố H.

(Giấy ủy quyền ngày 15/3/2021).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty S.

Trụ sở: Lô DVTM- 2 và DVTM- 3, đường Y, khu chế xuất A, phường J, Quận B, Thành phố H.

Ủy quyền ông Touprong W - Đại diện (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ liên lạc: Lô DVTM- 2 và DVTM- 3, đường Y, khu chế xuất A, phường J, Quận B, Thành phố H.

(Giấy ủy quyền ngày 16/8/2022).

4. Người kháng cáo: Công ty L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, sự việc được tóm tắt như sau:

Theo nguyên đơn trình bày: Ngày 03/11/2017, ông Ngô Quốc B và Công ty L (sau đây gọi tắt là Công ty L) xác lập hợp đồng bảo hiểm số: S-MPB-00116455-00-17, thời hạn bảo hiểm từ ngày 03/11/2017 đến ngày 02/5/2019. Đối tượng bảo hiểm là xe ô tô, biển kiểm soát số: 51G-006.52. Công ty S (sau đây gọi tắt là Công ty S) là đơn vị đóng toàn bộ khoản phí bảo hiểm do khoản phí này thuộc chương trình quà tặng khi ông B mua xe của Công ty S, đối tượng thụ hưởng của hợp đồng bảo hiểm là ông Ngô Quốc B. Tuy nhiên, ông B không được nhận hợp đồng và không được cung cấp Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới đính kèm với hợp đồng mà chỉ được cung cấp bản scan bản tóm tắt hợp đồng. Ngày 25/11/2018, khi điều khiển xe ô tô, biển kiểm soát nêu trên lưu thông trên đường trong điều kiện mưa bão thì động cơ xe ngừng hoạt động. Ông B liên hệ với Công ty L yêu cầu hỗ trợ xe kéo và đến lập biên bản hiện trường thì phía Công ty L không đến. Để hạn chế thiệt hại cho xe của mình, ông B liên hệ Công ty TNHH Cứu hộ Quốc D để yêu cầu kéo xe ra khỏi hiện trường về đến xưởng sửa chữa của Công ty S - Chi nhánh Khu chế xuất A, chi phí cho việc thuê xe cứu hộ kéo xe đến nơi sửa chữa là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Sau đó, ông B liên hệ với Công ty L để thực hiện các thủ tục yêu cầu bồi thường. Chi phí sửa chữa xe theo bảng báo giá ngày 28/12/2018 của Chi nhánh Công ty S tại Khu Chế xuất A (Đơn vị kiểm tra, sửa chữa xe được các bên thống nhất) là: 889.907.700 đồng gồm: 860.284.700 đồng (Tám trăm sáu mươi triệu hai trăm tám mươi bốn ngàn bảy trăm đồng) và 29.623.000 đồng (Hai mươi chín triệu sáu trăm hai mươi ba ngàn đồng).

Ngày 14/12/2018, Công ty L gửi Thông báo từ chối bồi thường chi phí

sửa chữa liên quan đến phần động cơ theo Kết luận số: 07/C09B (DV) ngày 07/12/2018 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố H và điểm (f) Điều 17 Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới của hợp đồng bảo hiểm số: S-MPB-00116455-00-17. Nguyên nhân cơ bản dẫn đến kết luận nên Công ty L không bồi thường là do ông B đã cố tình khởi động lại khi động cơ đã chết máy và đang ngập trong nước. Tuy nhiên, cả thông báo và Công văn số: 07/C09B (DV) đều không đưa ra được bất kỳ một luận chứng kỹ thuật nào để chứng minh nguyên đơn có hành vi cố tình khởi động lại xe khi động cơ đang ngập trong nước. Bên cạnh đó, ngay sau Thông báo ngày 14/12/2018, Công ty L gửi cho ông B một bản scan qua email phiếu yêu cầu sửa chữa với tổng giá bồi thường là 22.097.162 đồng (Hai mươi hai triệu không trăm chín mươi bảy ngàn một trăm sáu mươi hai đồng). Ngày 22/12/2018, ông B gửi Thư yêu cầu giải quyết bồi thường bảo hiểm, yêu cầu Công ty xem xét lại toàn bộ hồ sơ, tiến hành giám định lại nguyên nhân gây thiệt hại và có văn bản trả lời về những nội dung liên quan đến Thông báo kết quả giải quyết bồi thường ngày 14/12/2018. Đến ngày 02/01/2019, ông B nhận được Thư phản hồi của Công ty L không đồng ý bồi thường bảo hiểm cho nguyên đơn. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty L bồi thường bảo hiểm với số tiền 889.907.700 đồng (Tám trăm tám mươi chín triệu chín trăm lẻ bảy ngàn bảy trăm đồng) chi phí toàn bộ phần hư hỏng xe do hiện tượng thủy kích gây ra và yêu cầu trả 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) chi phí kéo xe đến nơi sửa chữa. Tổng cộng: 891.907.700 đồng (Tám trăm chín mươi một triệu chín trăm lẻ bảy ngàn bảy trăm đồng).

Ngày 07/01/2020 nguyên đơn có đơn khởi kiện bổ sung: Yêu cầu Công ty L thanh toán số tiền 891.907.700 đồng (Tám trăm chín mươi một triệu chín trăm lẻ bảy ngàn bảy trăm đồng) và tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của ba Ngân hàng Thương mại, tạm tính từ ngày 25/11/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn trình bày: Công ty L không đồng ý bồi thường đối với thiệt hại của xe được bảo hiểm là căn cứ trên các cơ sở vững chắc cũng như tuân thủ các quy định của hợp đồng bảo hiểm. Cụ thể: Thứ nhất, lái xe hoàn toàn đầy đủ nhận thức rõ hoàn cảnh tại thời điểm xảy ra tai nạn, lường trước được các thiệt hại có thể xảy ra cho xe được bảo hiểm qua nhiều lần khẳng định trong cuộc gọi đến đường dây nóng của Công ty L. Ngay đầu cuộc gọi nguyên đơn đã khẳng định ngay nguyên nhân tổn thất: *“Xe anh nó bị ngập nước, chiếc Mer của anh nó bị ngập nước nó tắt luôn máy ở bên Phú Mỹ Hưng rồi em ơi. Hỗ trợ kéo giùm anh cái. Bây giờ anh đọc cho em thông tin gì?”*. Nguyên nhân này cũng được khẳng định lại tại Giấy yêu cầu bồi thường đề ngày 25/01/2018 với nội dung: *“Trong lúc di chuyển trên đường trên, do bão ngập đường nên xe bị ngập nước tắt máy”*. Tại giây số 32 của cuộc gọi, ông B tiếp tục khẳng định hiểu rõ việc nổ máy là nghiêm trọng hơn: *“đường nó bình thường thôi mà bây giờ nó tắt máy không nổ máy được, nổ máy là nghiêm trọng hơn và bên em phải đền nhiều hơn nữa đó”*. Và ông B khai báo việc khởi động lại động cơ: *“anh thử một lần duy nhất không được cái anh tắt luôn. Tóm lại là anh biết tình trạng này”*.

Thời điểm xảy ra mưa bão, Công ty đã tiến hành truyền thông đến các khách hàng khu vực Thành phố H về việc hạn chế di chuyển và đậu xe tại các khu vực bị ngập úng, không khởi động lại nếu xe bị chết máy do ngập nước. Từ những diễn biến sự việc như trên bị đơn khẳng định, ông B nhận thức rõ nguyên nhân tổn thất ban đầu và thấy trước thiệt hại sẽ xảy ra khi thực hiện hành vi khởi động lại động cơ đã ngưng hoạt động do đi vào đường ngập nước. Đồng thời căn cứ, Công văn trả lời kết quả giám định số: 07/C09B (DV) của Phân viện khoa học hình sự có đầy đủ nội dung kết luận giám định và có giá trị pháp lý nếu nguyên đơn không chứng minh được kết quả giám định không khách quan, không trung thực hoặc sai về kỹ thuật giám định. Mặt khác, hợp đồng bảo hiểm được giao kết trên tinh thần tự nguyện thỏa thuận của các bên, việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của hợp đồng bảo hiểm phải tuân thủ các quy định trong hợp đồng. Theo đó, hợp đồng bảo hiểm bao gồm: Quy tắc bảo hiểm, Giấy Chứng nhận bảo hiểm, Bản tóm tắt hợp đồng bảo hiểm và các Điều khoản sửa đổi bổ sung tạo thành một hợp đồng bảo hiểm duy nhất. Căn cứ quy định tại khoản (1) Điều 17 Các điểm loại trừ áp dụng cho phân vật chất xe có quy định: *“(f) những thiệt hại xảy ra cho động cơ trong trường hợp lái xe cố tình khởi động lại động cơ xe đã ngừng hoạt động vì đi vào đường ngập nước”*. Do hành vi khởi động lại động cơ xe đã ngừng hoạt động vì đi vào đường ngập nước của lái xe đã được xác minh, phương án bồi thường cho tổn thất của xe được bảo hiểm là loại trừ tổn thất của động cơ và giải quyết bồi thường cho những hư hỏng đối với xe được bảo hiểm do đi vào đường ngập nước gây ra các tổn thất này, bao gồm: Chi phí tháo lắp các chi tiết bị nước vào để vệ sinh, thay thế những dung dịch, dầu bôi trơn, gas lạnh, thay thế các phụ tùng hư hỏng do nước ngập là hoàn toàn phù hợp với quy định.

Thứ 2: Liên quan đến tổn thất của xe được bảo hiểm: Dựa trên báo giá của Chi nhánh Công ty S tại Khu chế xuất A, tổng giá trị thiệt hại của xe 51G-006.52 là 889.907.700 đồng (Tám trăm tám mươi chín triệu chín trăm lẻ bảy ngàn bảy trăm đồng). Trong đó: Chi phí sửa chữa các hư hỏng do đi vào đường ngập nước gây ra là 23.097.162 đồng (Hai mươi ba triệu không trăm chín mươi bảy ngàn một trăm sáu mươi hai đồng). Chi phí sửa chữa cho những thiệt hại xảy ra cho động cơ là 866.810.538 đồng (Tám trăm sáu mươi sáu triệu tám trăm mười ngàn năm trăm ba mươi tám đồng). Căn cứ phương án bồi thường, bị đơn đã thông báo trước khi ông B tiến hành khởi kiện, các chi phí trên được giải quyết, như sau: Từ chối chi trả các chi phí khắc phục thiệt hại xảy ra cho động cơ (bị loại trừ theo khoản (1) Điều 17): 866.810.538 đồng (Tám trăm sáu mươi sáu triệu tám trăm mười ngàn năm trăm ba mươi tám đồng). Đồng ý bồi thường các chi phí khắc phục các thiệt hại khác do đi vào đường ngập nước là 23.097.162 đồng (Hai mươi ba triệu không trăm chín mươi bảy ngàn một trăm sáu mươi hai đồng). Ngoài ra, đối với chi phí kéo xe 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) nằm trong gói bảo hiểm nên sẽ được bị đơn chi trả. Tổng số tiền bồi thường cho tổn thất của xe 51G-006.52 là 25.097.162 đồng (Hai mươi lăm triệu không trăm chín mươi bảy ngàn một trăm sáu mươi hai đồng). Tuy nhiên, Công ty đồng ý hỗ trợ một phần chi phí khắc phục thiệt hại cho động cơ (được tính

toán dựa theo công thức đối với việc bồi thường cho thiệt hại của xe bị thủy kích): $40\% \times (866.810.538 \times 70\%) = 242.706.950$ đồng. Tổng giá trị chấp nhận chi trả của bị đơn là 267.804.112 đồng (Hai trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm lẻ bốn ngàn một trăm mười hai đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Công ty S trình bày: Thực hiện hợp tác về chương trình tặng phí bảo hiểm giữa Công ty Bảo hiểm L và Công ty S tặng mỗi khách hàng mua xe tại Công ty khoản phí bảo hiểm được quy định tại hợp đồng bảo hiểm. Công ty S tặng ông B khoản phí hợp đồng bảo hiểm số S-MPB-00116455-00-17, phát hành ngày 03/11/2017, người thụ hưởng là ông B. Đối với tranh chấp giữa các bên, Công ty S không có ý kiến và không có tranh chấp gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn ông B yêu cầu bồi thường bảo hiểm số tiền thay thế động cơ và sửa chữa xe: 611.743.164 đồng (bao gồm 70% của chi phí thay thế động cơ + chi phí sửa chữa khác); Trả lại số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) chi phí đối với việc kéo xe đến nơi sửa chữa và lãi suất chậm trả đối với hai khoản tiền nêu trên tính từ ngày 08/01/2019 đến ngày xét xử là 11/5/2022 là 40 tháng, theo mức lãi suất 0,83%/tháng, tương đương số tiền lãi là 203.762.731 đồng. Tổng cộng là 817.505.895 đồng (Tám trăm mười bảy triệu năm trăm lẻ năm ngàn tám trăm chín mươi lăm đồng).

Bị đơn Công ty L chỉ đồng ý trả lại số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) chi phí kéo xe đến nơi sửa chữa và đồng ý trả chi phí sửa chữa do đi vào đường ngập nước là 23.097.162 đồng (Hai mươi ba triệu không trăm chín bảy ngàn một trăm sáu mươi hai đồng). Ngoài ra, không đồng ý thanh toán khoản tiền nào khác. Đối với số tiền 242.706.950 đồng (Hai trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm lẻ sáu ngàn chín trăm năm mươi đồng), phía bị đơn chỉ đồng ý thanh toán khi hòa giải. Tuy nhiên, do nguyên đơn không đồng ý nên tại phiên Tòa phía bị đơn không đồng ý thanh toán số tiền trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số:126/2022/DS-ST ngày 16-5-2022 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố H, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Ngô Quốc B: Buộc Công ty L thanh toán cho ông Ngô Quốc B số tiền phát sinh từ hợp đồng bảo hiểm số S-MPB-00116455-00-17 ngày 03/11/2017, gồm: Chi phí thay thế động cơ và sửa chữa xe là 600.850.062 đồng (Sáu trăm triệu tám trăm năm mươi ngàn không trăm sáu mươi hai đồng); Chi phí phát sinh di chuyển xe đến nơi sửa chữa là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); Tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 08/01/2019 đến ngày 16/5/2022 là 200.146.220 đồng (Hai trăm triệu một trăm bốn mươi sáu ngàn hai trăm hai mươi đồng). Tổng số tiền là 802.996.282 đồng (Tám trăm lẻ hai triệu chín trăm chín mươi sáu ngàn hai trăm tám mươi hai đồng). Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 17/5/2022 cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng Công ty L còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ

luật dân sự cho ông Ngô Quốc B tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự và quy định về thi hành án.

Ngày 27/5/2022 Công ty L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn Công ty L ủy quyền bà Nguyễn Mai Bích N đại diện kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu xác định mối quan hệ giữa bị đơn, Công ty S và nguyên đơn. Theo đó, xác định bên mua bảo hiểm là Công ty S.

Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét chứng cứ trong vụ án là Kết luận giám định của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố H.

Việc nguyên đơn cho rằng nguyên đơn không hiểu các điểm loại trừ bảo hiểm là không có căn cứ. Vì vậy, yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về bồi thường bảo hiểm và yêu cầu trả lãi chậm thanh toán.

Nguyên đơn ông Ngô Quốc B ủy quyền bà Võ Mộng T1 và ông Nguyễn Khắc X không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty S ủy quyền ông Touprong W có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phan Mạnh T2 có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng có gửi bài phát biểu như sau: Yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các đương sự chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bồi thường bảo hiểm và trả tiền lãi chậm thanh toán cho nguyên đơn là có căn cứ. Tuy nhiên, về thời gian tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án của Tòa án cấp sơ thẩm xác định kể từ ngày 17/5/2022 là không đúng nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm đối với phần quyết định lãi trong giai đoạn Thi hành án là “Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án...” mới đúng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Ngô Quốc B ủy quyền bà Võ Mộng T1 và ông Nguyễn Khắc X; Công ty L ủy quyền bà Nguyễn Mai Bích N; Công ty S ủy quyền ông Touprong W, việc ủy quyền này phù hợp với Điều 85 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phan Mạnh T2; Ông Touprong W đại diện ủy quyền của Công ty S đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Bị đơn kháng cáo yêu cầu xác định mối quan hệ giữa bị đơn, Công ty S và nguyên đơn. Theo đó, xác định bên mua bảo hiểm là Công ty S.

[4] Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ngày 03/11/2017 ông Ngô Quốc B và Công ty L giao kết hợp đồng bảo hiểm số: S-MPB-00116455-00-17. Thời gian có hiệu lực kể từ ngày 03/11/2017 đến ngày 02/5/2019, với các nội dung chính, cụ thể như sau: Người được bảo hiểm: Ông Ngô Quốc B, địa chỉ: số 18 Đường N, Khu Đ, khu phố S, phường P, Quận B, Thành phố H. Đối tượng được bảo hiểm: Xe ô tô hiệu Mercedes Benz E.300.AMG.2. (CKD), biển kiểm soát số: 51G - 006.52 của ông Ngô Quốc B. Số tiền bảo hiểm: 2.633.000.000 đồng. Phạm vi bảo hiểm: Gồm ba phần là tổn thất toàn bộ, mất cắp toàn bộ và tổn thất bộ phận; Điều khoản phụ: Mức miễn thường 2.000.000 đồng hoặc 30% tổn thất số lớn hơn cho mỗi vụ trộm cắp bộ phận, 1.000.000 đồng mỗi vụ tổn thất, mức miễn thường của hợp đồng hoặc 30% tổn thất, mức cao hơn sẽ được áp dụng cho mỗi vụ tổn thất do thủy kích (Bút lục 190).

[4.1] Tại hợp đồng hợp tác về chương trình tặng phí bảo hiểm ngày 30/7/2017 giữa Công ty L và Công ty S (gọi tắt là VSAL) thỏa thuận về phí bảo hiểm và thanh toán, với nội dung: “3.2.1. Công ty VSAL sẽ có nghĩa vụ thay mặt Khách hàng Hợp lệ thanh toán Phí Bảo Hiểm đó cho L” (Bút lục số 148); Và theo Giấy chứng nhận bảo hiểm xe ô tô của Công ty L thì Giấy chứng nhận này là bằng chứng ký kết hợp đồng giữa chủ xe với Công ty L và được điều chỉnh bởi Quy tắc bảo hiểm xe cơ giới cùng các điều khoản bổ sung do Bảo hiểm L ban hành. Quy tắc bảo hiểm là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng bảo hiểm. Chủ xe/Lái xe cần đọc kỹ để biết quyền lợi cũng như trách nhiệm của mình khi tham gia bảo hiểm (Bút lục 189).

[4.2] Căn cứ Bản tóm tắt hợp đồng bảo hiểm số: S-MPB-00116455-00-17 ngày 03/11/2017 giữa ông B và Công ty L, hợp đồng hợp tác về chương trình tặng phí bảo hiểm giữa Công ty L và Công ty S ngày 30/7/2017 và Giấy chứng nhận bảo hiểm xe ô tô của Công ty L nêu trên thì Hội đồng xét xử có cơ sở xác định Công ty bảo hiểm là Công ty Bảo hiểm L; Người mua bảo hiểm là ông Ngô Quốc B, chứ không phải là Công ty S. Công ty S chỉ thay mặt ông B thanh toán phí bảo hiểm cho Công ty L. Vì vậy, việc bị đơn cho rằng Công ty S là bên mua

bảo hiểm là không đúng.

[5] Trong quá trình thu thập chứng cứ ở cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ngày 11/5/2022 nguyên đơn khai ngày 25/11/2018, khi ông B điều khiển xe ô tô, biển kiểm soát số: 51 G-006.52 lưu thông trên đường trong điều kiện mưa bão ngập lụt thì động cơ xe ngừng hoạt động, ông B liên hệ với Công ty L yêu cầu hỗ trợ xe kéo và đến lập Biên bản hiện trường thì phía Công ty L không có mặt nên ông B liên hệ Công ty TNHH Cứu hộ Quốc D kéo xe đến Công ty S - Chi nhánh Khu chế xuất A để sửa chữa, chi phí thay thế động cơ và sửa chữa xe là 611.743.164 đồng (Sáu trăm mười một triệu bảy trăm bốn mươi ba ngàn một trăm sáu mươi bốn đồng) và chi phí kéo xe đến Công ty S để sửa chữa là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) nên ông B yêu cầu Công ty L phải bồi thường số tiền nêu trên. Ngược lại, phía bị đơn Công ty L cho rằng thời điểm xảy ra mưa bão, bị đơn đã truyền thông đến các khách hàng khu vực Thành phố H về việc hạn chế di chuyển và đậu xe tại các khu vực bị ngập nước, không khởi động lại nếu xe bị chết máy do ngập nước. Lúc này, ông B nhận thức rõ nguyên nhân tổn thất ban đầu và thấy trước thiệt hại sẽ xảy ra khi thực hiện hành vi khởi động lại động cơ đã ngưng hoạt động do đi vào đường ngập nước; Đồng thời căn cứ vào Kết quả giám định số:07/C09B (DV) của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố H và căn cứ điểm f Điều 17 của Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới của hợp đồng bảo hiểm số: S-MPB-00116455-00-17 thì trong trường hợp này miễn loại trừ bảo hiểm nên Công ty L không đồng ý bồi thường chi phí sửa chữa liên quan đến phần động cơ nêu trên cho nguyên đơn.

[6] Tại điểm f Điều 17 Quy tắc bảo hiểm của Công ty L quy định, các điểm loại trừ áp dụng cho phần vật chất xe, như sau: *“Những thiệt hại xảy ra cho động cơ trong trường hợp lái xe cố tình khởi động lại động cơ xe đã ngưng hoạt động vì đi vào đường ngập nước”*.

Theo khoản 2 Điều 16 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định: *“Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm phải được quy định rõ trong hợp đồng bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm phải giải thích rõ cho bên mua bảo hiểm khi giao kết hợp đồng”*.

[7] Xét, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 11/5/2022, bị đơn cho rằng hợp đồng bảo hiểm của Công ty L trong trường hợp này, bao gồm các Giấy tờ, sau: Giấy chứng nhận bảo hiểm, Quy tắc bảo hiểm của Công ty L, Bản tóm tắt hợp đồng bảo hiểm và Hợp đồng hợp tác về chương trình tặng phí bảo hiểm giữa Công ty L và Công ty S. Công ty L đã giao toàn bộ các văn bản nêu trên cho Công ty S để chuyển lại cho ông B (Bút lục 436). Nhưng phía nguyên đơn chỉ thừa nhận Công ty L giao cho nguyên đơn bản scan Bản tóm tắt hợp đồng bảo hiểm và Giấy chứng nhận bảo hiểm. Ngoài ra, nguyên đơn không nhận bất kỳ văn bản nào khác của Công ty L và không được Công ty L giải thích về các điều khoản loại trừ trách nhiệm bồi thường bảo hiểm (Bút lục số 436). Phía Công ty L không có chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình. Vì vậy, không chấp nhận lời khai của Công ty L cho rằng khi ký hợp đồng bảo hiểm, bị đơn đã giao cho nguyên đơn Quy tắc bảo hiểm của Công ty L và giải thích các điều khoản loại

trừ bảo hiểm cho nguyên đơn biết. Lẽ ra, trong trường hợp này, khi bị đơn giao kết hợp đồng bảo hiểm với nguyên đơn thì bị đơn phải có trách nhiệm giao cho nguyên đơn Giấy chứng nhận bảo hiểm, Quy tắc bảo hiểm của Công ty L, Bản tóm tắt hợp đồng bảo hiểm, Hợp đồng hợp tác về chương trình tặng phí bảo hiểm giữa Công ty L và Công ty S và phải giải thích cho nguyên đơn biết các điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm xe ô tô Mercedes-Benz, biển kiểm soát số: 51 G-006.52 biết nhưng phía bị đơn không giao Quy tắc bảo hiểm của Công ty L và không giải thích cho nguyên đơn biết về các điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm xe ô tô Mercedes-Benz là vi phạm điều luật nêu trên nên Cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải bồi thường bảo hiểm cho nguyên đơn là có căn cứ.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 11/5/2022 và tại phiên tòa phúc thẩm, phía bị đơn cho rằng theo Kết luận số: 07/C09B ngày 07/12/2018 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố H, kết luận: “*Nguyên nhân hư hỏng động cơ xe ô tô biển số 51G-006.52 là do quá trình tham gia giao thông qua đoạn đường ngập nước, làm cho động cơ ngừng hoạt động. Quá trình khởi động lại động cơ dẫn nước vào bên trong các xi lanh động cơ qua đường khí nạp nhiều hơn làm chu trình nén của máy số 1 giảm (lượng nước lọt vào xi lanh đã chiếm chỗ của hỗn hợp khí nạp) khi đang lên điểm chết trên gây ra phản lực làm gãy tay biên gây hư hỏng động cơ*”. Như vậy, nội dung của Kết luận giám định xác định nguyên nhân hư hỏng động cơ là do quá trình khởi động lại xe của nguyên đơn nên lỗi thuộc về phía nguyên đơn nên bị đơn không đồng ý bồi thường bảo hiểm cho nguyên đơn. Như đã phân tích trên, do phía bị đơn không cung cấp Quy tắc bảo hiểm của Công ty L (trong có quy định các điểm loại trừ áp dụng cho phần vật chất xe như thiệt hại xảy ra cho động cơ trong trường hợp lái xe cố tình khởi động lại động cơ xe đã ngưng hoạt động vì đi vào đường ngập nước) cho nguyên đơn và không giải thích cho nguyên đơn biết về các điều khoản loại trừ trách nhiệm vật chất xe nêu nên nguyên đơn không thể hiểu và biết được các điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm xe là lỗi của phía bị đơn, chứ không phải lỗi của nguyên đơn nên bị đơn phải có trách nhiệm bồi thường bảo hiểm cho nguyên đơn.

[8] Theo Bản tóm tắt hợp đồng bảo hiểm ngày 03/11/2017, hai bên thỏa thuận phạm vi bảo hiểm, như sau: “...Mức miễn thường của hợp đồng hoặc 30% tổn thất, mức cao hơn sẽ được áp dụng cho mỗi vụ tổn thất do thủy kích...” (Bút lục số 160) và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn khai trong trường hợp tổn thất do thủy kích thì mức bồi thường bảo hiểm là 70%.

[8.1] Căn cứ vào Bản tóm tắt hợp đồng bảo hiểm và lời khai của bị đơn nêu trên thì trong trường hợp này, xe ô tô Mercedes-Benz, biển kiểm soát số: 51 G-006.52 của nguyên đơn bị tổn thất do thủy kích nên bị đơn phải bồi thường bảo hiểm cho nguyên đơn 70%; Còn lại 30% thì nguyên đơn phải chịu. Như vậy, căn cứ các Hóa đơn giá trị gia tăng số: 0005356 của Công ty Ngôi sao Việt – Khu chế xuất Tân Thuận thể hiện người mua hàng là ông B, tên hàng hóa, gồm: Công chạy phần mềm, công tháo lắp ráp máy phát vòi động cơ đã hạ

xuống, công vệ sinh máy phát ... Tổng cộng thành tiền là 82.011.600 đồng (Tám mươi hai triệu không trăm mười một ngàn sáu trăm đồng); Hóa đơn giá trị gia tăng số: 0005357 thể hiện người mua hàng là ông B, tên hàng hóa là động cơ, số tiền là 705.768.756 đồng (Bảy trăm lẻ năm triệu bảy trăm sáu mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi sáu đồng); Giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn thể hiện số tiền là 70.576.876 đồng (Bảy mươi triệu năm trăm bảy mươi sáu ngàn tám trăm bảy mươi sáu đồng). Như vậy, tổng cộng chi phí sửa chữa xe do hư hỏng động cơ là 858.357.232 đồng x 70% = 600.850.062 đồng nên Cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải bồi thường bảo hiểm chi phí sửa chữa xe ô tô Mercedes-Benz, biển kiểm soát số: 51G - 006.52 của ông B là 600.850.062 đồng (Sáu trăm triệu tám trăm năm mươi ngàn không trăm sáu mươi hai đồng) là có căn cứ nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty L.

[8.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại chi phí kéo xe đến nơi sửa chữa là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Bị đơn đồng ý trả lại cho nguyên đơn 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) này nên Cấp sơ thẩm ghi nhận là có căn cứ.

[8.3] Như vậy, tổng cộng bị đơn phải bồi thường bảo hiểm cho nguyên đơn là 602.850.062 đồng (bao gồm: 600.850.062 đồng là chi phí sửa chữa xe do hư hỏng động cơ và 2.000.000 đồng chi phí kéo xe đến nơi sửa chữa).

[9] Theo Điều 29 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định: “*Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường theo thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm; trong trường hợp không có thỏa thuận về thời hạn thì doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ về yêu cầu trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường*”.

[9.1] Xét, ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm được xác định là ngày 25/11/2018. Ngày 02/01/2019, Công ty L gửi văn bản thông báo cho ông B với nội dung không chấp nhận yêu cầu bồi thường bảo hiểm toàn bộ chi phí sửa chữa xe cho nguyên đơn. Như vậy, Công ty L không thanh toán tiền bồi thường bảo hiểm trong thời hạn Luật định nêu trên nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi chậm thanh toán từ ngày 08/01/2019 đến ngày 11/5/2022 là có căn cứ. Vì vậy, tiền lãi chậm thanh toán được tính từ ngày 08/01/2019 đến ngày 11/5/2022, là 40 tháng 03 ngày, lãi suất 0,83%/tháng (theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015).

$602.850.062 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times (40 \text{ tháng} + 03/30) = 200.646.585 \text{ đồng}.$

Tổng cộng: $602.850.062 \text{ đồng} + 200.646.585 \text{ đồng (lãi)} = 803.496.674 \text{ đồng}.$ Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời gian trả tiền lãi là 40 tháng và tiền lãi là 200.146.220 đồng (Hai trăm triệu một trăm bốn mươi sáu ngàn hai trăm hai

mười đồng) là chưa chính xác nên cấp phúc thẩm sửa án phần này của Cấp sơ thẩm như đã nhận định trên. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[10] Tại phần Quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số:126/2022/DS-ST ngày 16-5-2022 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố H, tuyên: “Kể từ ngày 17/5/2022 cho đến khi thi hành án xong ...”.

[10.1] Theo điểm b Điều 13 Nghị Quyết số:01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì: *“Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về lãi suất thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực (Đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án ...”.*

[10.2] Đối chiếu với với Điều luật nêu trên thì việc cấp sơ thẩm tuyên: “Kể từ ngày 17/5/2022 ...” là không chính xác nên cấp phúc thẩm sửa án phần này của cấp sơ thẩm, như sau: “Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015”.

[11] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử, xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn; Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm như đã nhận định nêu trên.

Xét, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H về sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm đối với phần quyết định xác định thời gian tính lãi trong giai đoạn Thi hành án là có cơ sở nên được chấp nhận.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án nên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại như sau: Công ty L phải chịu 36.104.900 đồng (Ba mươi sáu triệu một trăm lẻ bốn ngàn chín trăm đồng).

Ông B yêu cầu Công ty L phải bồi thường bảo hiểm và tiền lãi chậm thanh toán, tổng cộng là 817.505.895 đồng (Tám trăm mười bảy triệu năm trăm lẻ năm ngàn tám trăm chín mươi lăm đồng) do không chấp nhận một phần yêu cầu của ông B là 14.009.248 đồng (Mười bốn triệu không trăm lẻ chín ngàn hai trăm bốn mươi tám đồng) nên ông B phải chịu án phí là 700.462 đồng (Bảy trăm ngàn bốn trăm sáu mươi hai đồng).

[13] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm nên Công ty L không phải chịu nên được hoàn lại 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

-Căn cứ khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 17 và Điều 29 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

-Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

-Căn cứ Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

-Căn cứ Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

-Căn cứ Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty L.

2.Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số:126/2022/DS - ST ngày 16-5-2022 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố H.

3.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Quốc B.

Buộc Công ty L bồi thường bảo hiểm cho ông Ngô Quốc B số tiền 803.496.647 đồng (Tám trăm lẻ ba triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn sáu trăm bốn mươi bảy đồng). Gồm số tiền thiệt hại xe là 602.850.062 đồng (Sáu trăm lẻ hai triệu tám trăm năm mươi ngàn không trăm sáu mươi hai đồng) và tiền lãi chậm thanh toán là 200.646.585 đồng (Hai trăm triệu sáu trăm bốn mươi sáu ngàn năm trăm tám mươi lăm đồng).

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4.Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Ngô Quốc B yêu cầu bị đơn Công ty L bồi thường bảo hiểm và trả tiền lãi chậm thanh toán, tổng cộng là 14.009.248 đồng (Mười bốn triệu không trăm lẻ chín ngàn hai trăm bốn mươi tám đồng).

5.Về án phí dân sự sơ thẩm:Công ty L phải chịu 36.104.900 đồng (Ba mươi sáu triệu một trăm lẻ bốn ngàn chín trăm đồng).

Ông Ngô Quốc B phải chịu án phí là 700.462 đồng (Bảy trăm ngàn bốn trăm sáu mươi hai đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông Ngô Quốc B

đã nộp tổng cộng là 22.654.147 đồng (Hai mươi hai triệu sáu trăm năm mươi bốn ngàn một trăm bốn mươi bảy đồng) theo Biên lai thu số: 0007119 ngày 19/02/2019, số tiền là 19.378.616 đồng (Mười chín triệu ba trăm bảy mươi tám ngàn sáu trăm mười sáu đồng) và số tiền 3.275.531 đồng (Ba triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn năm trăm ba mươi một đồng) theo Biên lai thu số: 0005712 ngày 13/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố H. Ông B còn được nhận lại 21.953.685 đồng (Hai mươi một triệu chín trăm năm mươi ba ngàn sáu trăm tám mươi lăm đồng).

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn lại cho Công ty L tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà Công ty TNHH Bảo hiểm L Việt Nam đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0005897 ngày 31/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu